

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐAN PHƯỢNG
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2023/KDTM-ST
Ngày 08 - 8 -2023
V/v Tranh chấp Hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐAN PHƯỢNG, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thu

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Bùi Văn Độ

Bà Nguyễn Thị Sen

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Trí Tuân – Thẩm tra viên chính Tòa án nhân dân huyện Đan Phượng, thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đan Phượng, thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Nhung - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 8 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đan Phượng xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 05/2021/TLST-KDTM ngày 16 tháng 11 năm 2021 về việc tranh chấp Hợp đồng tín dụng. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 38/2023/QĐXX-ST ngày 14 tháng 7 năm 2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 33 /2023/QĐST - KDTM ngày 03 tháng 8 năm 2023, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ngân hàng Thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển VN (BIDV);

Địa chỉ trụ sở: Tháp BIDV, 35 Hàng V, phường Lý Thái T, quận Hoàn K, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phan Đức T, chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị. Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: Ông Nguyễn Văn T1, chức vụ: Phó Giám đốc BIDV - Chi nhánh Hoài Đức; ông Nguyễn Đình D, chức vụ: Phó Trưởng phòng trung tâm xử lý nợ BIDV; ông Nguyễn Ngọc M, chức vụ: Phó Trưởng phòng quản lý rủi ro BIDV (Theo quyết định ủy quyền số 459/QĐ-BIDV. HĐ ngày 28/4/2022). Có mặt ông D, ông T1, ông M.

2. *Bị đơn:* Công ty cổ phần Five9 VN;

Địa chỉ trụ sở: Tầng 21 Capital Tower, 109 Trần Hưng Đ, quận Hoàn K, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Trọng H, chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị. Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: Bà Chu Thị Út Qu, sinh năm 1990; địa chỉ: Số 3, đường Trung Yên 3, phường Trung H, quận Cầu Gi, thành phố Hà Nội (Nay là số 7, đường Lưu Quang V, phường Trung H, quận Cầu Gi, thành phố Hà Nội). Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Công ty cổ phần Five9 VN: Ông Lê Hồng H, Luật sư hăng Luật Lê Hồng Hiễn và Cộng sự thuộc đoàn Luật sư thành phố Hà Nội; địa chỉ: Số 3, đường Trung Y3, phường Trung H, quận Cầu Gi, thành phố Hà Nội (Nay là số 7, đường Lưu Quang V, phường Trung H, quận Cầu Gi, thành phố Hà Nội). Có đơn xin xét xử vắng mặt.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập:* Ông Ngô Minh Kh, sinh năm 1976; địa chỉ: Số 10 ngách 15, ngõ Hoàng An A, phường Trung Ph, quận Đống Đ, thành phố Hà Nội; có mặt.

4. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

4.1. Ông Ngô Xuân T2, sinh năm 1945; vắng mặt.

4.2. Bà Trần Thị T3, sinh năm 1946; vắng mặt.

Đều cùng địa chỉ: Số 10 ngách 15, ngõ Hoàng An A, phường Trung Ph, quận Đống Đ, thành phố Hà Nội

Người đại diện theo ủy quyền của ông T2 là bà Trần Thị T3 (Theo ủy quyền ngày 17/02/2022).

4.3. Văn phòng công chứng Bình Minh; địa chỉ: Khu 6, thị trấn Trại Tr, huyện Hoài Đ, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn S, chức vụ: Trưởng văn phòng. Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: Ông Ngô Xuân Th, chức vụ: Công chứng viên (Theo ủy quyền ngày 28/6/2023); Có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:*

Trước năm 2019, Ngân hàng Thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển VN (tên gọi tắt: BIDV) - Chi nhánh Hoài Đức ký nhiều hợp đồng tín dụng cho Công ty cổ phần Five9 VN (gọi tắt: Công ty) vay vốn và hợp đồng thế chấp tài sản bảo đảm duy trì khoản vay của Công ty tại Ngân hàng BIDV. Đến thời điểm hiện tại, các khoản dư nợ quá hạn của Công ty tại BIDV - Chi nhánh Hoài Đức phát sinh từ 02 hợp đồng tín dụng hạn mức, gồm:

- *Hợp đồng cho vay thứ nhất và văn bản sửa đổi bổ sung như sau:* Ngày 07/12/2018, BIDV ký hợp đồng cho vay hạn mức số 06/2018/8101548/HĐTD với Công ty. Theo hợp đồng này, BIDV cấp hạn mức tối đa cho Công ty số tiền

220.000.000.000đ (Hai trăm hai mươi tỷ đồng) gồm cả tiền Việt Nam đồng và ngoại tệ quy đổi; thời hạn 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng; mục đích: Bổ sung vốn kinh doanh lưu động; lãi suất vay quy định trong từng hợp đồng tín dụng cụ thể.

Ngày 30/12/2018, BIDV và Công ty ký văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng cho vay hạn mức số 06/2018/8101548/HĐTD nêu trên, các bên thống nhất gia hạn cấp hạn mức “Gia hạn đến ngày 28/02/2020 hoặc cho đến khi có phê duyệt giới hạn tín dụng ngắn hạn năm 2020 của BIDV, tùy thời điểm nào đến trước”.

+ Các tài sản đảm bảo của Công ty tại BIDV đảm bảo cho khoản vay, gồm: Hệ thống điện toán đám mây IBM Bluebox; 01 máy chủ IBM Integrated Alalytics System; 06 máy tính chủ hiệu Dell R630; 01 ô tô Mercedes biển kiểm soát 30F-997.33; trái phiếu BIDV; hợp đồng tiền gửi số 001/2017/HDTG.116.8101548, 008/2018/HDTG.HĐ và 001/2019/HDTG.HĐ. Đối với các tài sản của Công ty thì sau khi ký hợp đồng thế chấp đều được đăng ký giao dịch bảo đảm tại trung T3 đăng ký giao dịch bảo đảm tài sản tại thành phố Hà Nội. Đối với tài sản cầm cố là trái phiếu do BIDV phát hành và hợp đồng tiền gửi của Công ty T2i BIDV, thế tiết kiệm tại BIDV thì BIDV và bên bảo đảm không bắt buộc phải đăng ký giao dịch bảo đảm. Cụ thể thời điểm ký thế chấp, cầm cố các tài sản này như sau:

Ngày 13/11/2017, Công ty thế chấp Hệ thống điện toán đám mây IBM Bluebox hình thành từ Hợp đồng mua bán thiết bị số SGMN01205 ngày 28/4/2017 giữa Công ty và Công ty TNHH một thành viên viễn thông quốc tế FPT; tài sản đảm bảo cho toàn bộ khoản vay của Công ty trong thời gian từ ngày 25/10/2017 đến hết ngày 25/10/2037.

Ngày 29/3/2019, Công ty thế chấp 01 máy chủ IBM Integrated Alalytics System theo hợp đồng mua bán hàng hóa số 2806/2018 ngày 28/6/2018 giữa Công ty và Công ty Cổ phần viễn thông IP, 06 máy tính chủ hiệu Dell R630 theo hợp đồng mua bán thiết bị số SGMN01272 ngày 05/01/2017 giữa Công ty và Công ty TNHH một thành viên viễn thông quốc tế FPT; các tài sản này đảm bảo cho toàn bộ khoản vay của Công ty.

Ngày 29/3/2019, Công ty thế chấp 01 ô tô Mercedes biển kiểm soát 30F - 997.33, số khung RLMUG6FX3GV001369, số máy 27682430509190. Hợp đồng thế chấp tài sản số 02/2019/8101548/HĐBĐ, tài sản bảo đảm cho toàn bộ khoản vay của Công ty.

Ngày 16/01/2019, Công ty lập hợp đồng cầm cố tài sản là trái phiếu BIDV có trị giá 4.190.000.000 đồng (Hợp đồng cầm cố tài sản số 01/2019/8101548/HĐCC). Ngày 05/12/2017, Công ty lập hợp đồng cầm cố tài sản là hợp đồng tiền gửi số 001/2017/HDTG.116.8101548 (Hợp đồng cầm cố tiền gửi số 04/2017/8101548/HĐBD) có trị giá 4.000.000.000 đồng. Ngày 23/04/2018, Công ty lập hợp đồng cầm cố tài sản là hợp đồng tiền gửi số 008/2018/HDTG.HĐ -Fvie9 (Hợp đồng cầm cố tiền gửi số 01/2018/8101548/HĐBĐ) có trị giá 4.800.000.000 đồng. Ngày 05/04/2019, Công ty lập hợp đồng cầm cố tài sản là hợp đồng tiền gửi số 001/2019/HDTG.HĐ-FIVE9 (Hợp đồng cầm cố tiền gửi số 06/2019/8101548/HĐBĐ)

có trị giá 1.500.000.000 đồng.

Ngày 29/3/2019, bên thứ ba là ông Ngô Xuân T2 và bà Trần Thị T3 thế chấp bảo lãnh cho khoản vay của Công ty T2i BIDV là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 150, tờ bản đồ số 6-H-I-23, diện tích 75,7m² tại địa chỉ: Số 10 ngách 15, ngõ Hoàng An A, phường Trung Ph, quận Đống Đ, thành phố Hà Nội; số giấy BA766505, số vào sổ cấp giấy chứng nhận CH001502292/2010/QĐ.UBND do Ủy ban nhân dân quận Đống Đa cấp ngày 05/8/2010 cho ông Ngô Xuân T2 và bà Trần Thị T3. Tài sản đảm bảo cho toàn bộ khoản vay của Công ty tại BIDV.

Ngày 05/4/2019, BIDV - Chi nhánh Hoài Đức và ông Nguyễn Trọng Huân ký kết hợp đồng cầm cố thế tiết kiệm số AAB4037338 để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty (Hợp đồng cầm cố số 05/2019/8101848/HĐBĐ).

Sau đó, BIDV thực hiện giải ngân cho Công ty bằng hình thức chuyển khoản cho nhà cung cấp theo 27 khoản vay như sau:

1. Ngày 10/07/2019, BIDV giải ngân cho Công ty vay số tiền 540,000 USD. Thời hạn vay 190 ngày kể từ ngày giải ngân, lãi suất 4,4%/năm, lãi suất điều chỉnh vào ngày đầu tiên của quý, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Lãi suất trả định kỳ vào ngày 25 hàng tháng. Quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty đã không thực hiện trả nợ theo thỏa thuận nên đến ngày 16/01/2020 BIDV đã chuyển khoản vay sang nợ quá hạn. Sau khi chuyển nợ hạn thì Công ty đã bàn giao tài sản để BIDV xử lý thu hồi một phần nợ gốc và lãi nên khoản vay được đối trừ đến ngày 30/9/2021, tổng số dư nợ 178,828.64 USD trong đó, nợ gốc là 151,197 USD, lãi 27,631.64 USD. Tính đến ngày 29/06/2023, Công ty còn nợ BIDV là 196,244 USD; trong đó: Nợ gốc 151,197 USD, lãi 45,047.04 USD.

2. Ngày 06/08/2019, BIDV giải ngân cho Công ty vay số tiền 380,000 USD. Thời hạn vay 163 ngày kể từ ngày giải ngân, lãi suất 4,2%/năm, lãi suất điều chỉnh vào ngày đầu tiên của quý, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Lãi suất trả định kỳ vào ngày 25 hàng tháng. Quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty đã không thực hiện trả nợ theo thỏa thuận nên đến ngày 16/01/2020 BIDV đã chuyển khoản vay sang nợ quá hạn. Sau khi chuyển nợ hạn thì Công ty đã bàn giao tài sản để xử một phần nợ gốc và lãi nên khoản vay được đối trừ đến ngày 30/9/2021 tổng số dư nợ là 227,007.73 USD; trong đó: Nợ gốc 200,000 USD, lãi 27,007.73 USD. Tính đến ngày 29/6/2023, Công ty còn nợ BIDV là 248,997 USD; trong đó: Nợ gốc 200,000 USD, lãi 48,997.31 USD.

3. Ngày 08/08/2019, BIDV giải ngân cho Công ty vay số tiền 350,000 USD. Thời hạn vay 165 ngày kể từ ngày giải ngân, lãi suất 4,0%/năm, lãi suất điều chỉnh vào ngày đầu tiên của quý, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Lãi suất trả định kỳ vào ngày 25 hàng tháng. Quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty đã không thực hiện trả nợ theo thỏa thuận nên đến ngày 20/01/2020 BIDV đã chuyển khoản vay sang nợ quá hạn. Tính đến ngày 29/6/2023 Công ty còn nợ BIDV là 423,318 USD; trong đó:

Nợ gốc 350,000 USD, lãi 73,317.81 USD.

4. Ngày 05/9/2019, BIDV giải ngân cho Công ty vay số tiền 5.576.400.000 đồng. Thời hạn vay 6 tháng kể từ ngày giải ngân, lãi suất 7%/năm, lãi suất điều chỉnh vào ngày đầu tiên của quý, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Lãi suất trả định kỳ vào ngày 25 hàng tháng. Quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty đã không thực hiện trả nợ theo thỏa thuận nên đến ngày 05/03/2020 BIDV đã chuyển khoản vay sang nợ quá hạn. Sau khi chuyển nợ quá hạn thì Công ty đã bàn giao tài sản để BIDV xử một phần nợ gốc và lãi nên khoản vay được đối trừ đến ngày 30/9/2021 tổng số dư nợ 6.104.107.197 đồng; trong đó: Nợ gốc 5.202.566.066 đồng, lãi 901.541.131 đồng. Tính đến ngày 29/6/2023 Công ty còn nợ BIDV số tiền 7.057.459.612 đồng; trong đó, nợ gốc 5.202.566.066 đồng, lãi 1.854.893.546 đồng.

5. Ngày 06/09/2019, BIDV giải ngân cho Công ty vay số tiền 1.539.465.466 đồng. Thời hạn vay 6 tháng kể từ ngày giải ngân, lãi suất 7%/năm, lãi suất điều chỉnh vào ngày đầu tiên của quý, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Lãi suất trả định kỳ vào ngày 25 hàng tháng. Quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty không thực hiện trả nợ theo thỏa thuận nên đến ngày 06/03/2020 BIDV đã chuyển khoản vay sang nợ quá hạn. Tính đến ngày 29/6/2023 Công ty còn nợ BIDV số tiền 2.086.397.478 đồng; trong đó: Nợ gốc 1.539.465.466 đồng, nợ lãi 546.932.012 đồng.

6. Ngày 18/09/2019, BIDV giải ngân cho Công ty vay số tiền 9.302.000.000 đồng. Thời hạn vay 6 tháng kể từ ngày giải ngân, lãi suất 7%/năm, lãi suất điều chỉnh vào ngày đầu tiên của quý, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Lãi suất trả định kỳ vào ngày 25 hàng tháng. Quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty đã không thực hiện trả nợ theo thỏa thuận nên đến ngày 18/03/2020 BIDV đã chuyển khoản vay sang nợ quá hạn. Tính đến hết ngày 29/6/2023 Công ty còn nợ BIDV số tiền 12.596.054.821 đồng; trong đó: Nợ gốc 9.302.000.000 đồng, nợ lãi 3.294.054.821 đồng.

7. Ngày 20/09/2019, BIDV giải ngân cho Công ty vay số tiền 5.113.900.000 đồng. Thời hạn vay 6 tháng kể từ ngày giải ngân, lãi suất 7%/năm, lãi suất điều chỉnh vào ngày đầu tiên của quý, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Lãi suất trả định kỳ vào ngày 25 hàng tháng. Quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty đã không thực hiện trả nợ theo thỏa thuận nên đến ngày 20/03/2020 BIDV đã chuyển khoản vay sang nợ quá hạn. Tính đến hết ngày 29/06/2023 Công ty còn nợ BIDV số tiền 6.923.870.333 đồng; trong đó: Nợ gốc là 5.113.900.000 đồng, nợ lãi 1.809.970.333 đồng.

8. Ngày 30/09/2019, BIDV giải ngân cho Công ty vay số tiền 4.275.240.000 đồng. Thời hạn vay 6 tháng kể từ ngày giải ngân, lãi suất 7%/năm, lãi suất điều chỉnh vào ngày đầu tiên của quý, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty không thực hiện trả nợ theo thỏa thuận nên đến ngày 30/03/2020 BIDV đã chuyển khoản vay sang nợ quá hạn. Tính đến hết ngày 29/06/2023 Công ty còn nợ BIDV số tiền 5.784.282.590 đồng; trong đó: Nợ gốc 4.275.240.000 đồng, nợ lãi 1.509.042.590 đồng.

9. Ngày 03/10/2019, BIDV giải ngân cho Công ty vay số tiền 5.460.225.000 đồng. Thời hạn vay 6 tháng kể từ ngày giải ngân, lãi suất 7%/năm, lãi suất điều chỉnh vào ngày đầu tiên của quý, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Lãi suất trả định kỳ vào ngày 25 hàng tháng. Quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty không thực hiện trả nợ theo thỏa thuận nên đến ngày 03/04/2020 BIDV đã chuyển khoản vay sang nợ quá hạn. Tính đến hết ngày 29/06/2023, Công ty còn nợ BIDV số tiền 7.385.440.497 đồng; trong đó: Nợ gốc: 5.460.225.000 đồng, nợ lãi: 1.925.215.497 đồng.

10. Ngày 07/10/2019, BIDV giải ngân cho Công ty vay số tiền 1.579.219.316 đồng. Thời hạn vay 6 tháng kể từ ngày giải ngân, lãi suất 7%/năm, lãi suất điều chỉnh vào ngày đầu tiên của quý, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Lãi suất trả định kỳ vào ngày 25 hàng tháng. Quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty không thực hiện trả nợ theo thỏa thuận nên đến ngày 07/04/2020 BIDV đã chuyển khoản vay sang nợ quá hạn. Tính đến hết ngày 29/6/2023 Công ty còn nợ BIDV số tiền 2.135.429.012 đồng; trong đó: Nợ gốc: 1.579.219.316 đồng, nợ lãi 556.209.696 đồng.

11. Ngày 11/10/2019, BIDV giải ngân cho Công ty vay số tiền 6.960.000.000 đồng. Thời hạn vay 6 tháng kể từ ngày giải ngân, lãi suất 6%/năm, lãi suất điều chỉnh vào ngày đầu tiên của quý, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Lãi suất trả định kỳ vào ngày 25 hàng tháng. Quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty đã không thực hiện trả nợ theo thỏa thuận nên đến ngày 13/04/2020 BIDV đã chuyển khoản vay sang nợ quá hạn. Tính đến hết ngày 29/06/2023, Công ty còn nợ BIDV số tiền 8.453.806.685 đồng; trong đó: Nợ gốc 6.960.000.000 đồng, nợ lãi 1.493.806.685 đồng.

12. Ngày 16/10/2019, BIDV giải ngân cho Công ty vay số tiền 6.265.080.000 đồng. Thời hạn vay 6 tháng kể từ ngày giải ngân, lãi suất 6,1%/năm, lãi suất điều chỉnh vào ngày đầu tiên của quý, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Lãi suất trả định kỳ vào ngày 25 hàng tháng. Quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty đã không thực hiện trả nợ theo thỏa thuận nên đến ngày 16/04/2020 BIDV đã chuyển khoản vay sang nợ quá hạn. Tính đến hết ngày 29/6/2023, Công ty còn nợ BIDV số tiền 7.631.991.722 đồng; trong đó: Nợ gốc 6.265.080.000 đồng, nợ lãi 1.366.911.722 đồng.

13. Ngày 22/10/2019, BIDV giải ngân cho Công ty vay số tiền 8.934.310.000 đồng. Thời hạn vay 125 ngày kể từ ngày giải ngân, lãi suất 6,1%/năm, lãi suất điều chỉnh vào ngày đầu tiên của quý, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Lãi suất trả định kỳ vào ngày 25 hàng tháng. Quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty đã không thực hiện trả nợ theo thỏa thuận nên đến ngày 24/02/2020 BIDV đã chuyển khoản vay sang nợ quá hạn. Tính đến hết ngày 29/06/2023, Công ty còn nợ BIDV số tiền 11.626.425.663 đồng; trong đó: Nợ gốc 8.934.310.000 đồng, nợ lãi 2.692.115.663 đồng.

14. Ngày 25/10/2019, BIDV giải ngân cho Công ty vay số tiền 9.048.000.000 đồng. Thời hạn vay 4 tháng kể từ ngày giải ngân, lãi suất 6,0%/năm, lãi suất điều chỉnh vào ngày đầu tiên của quý, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Lãi suất trả định kỳ vào ngày 25 hàng tháng. Quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty đã không thực

hiện trả nợ theo thỏa thuận nên đến ngày 25/02/2020 BIDV đã chuyển khoản vay sang nợ quá hạn. Tính đến hết ngày 29/06/2023, Công ty còn nợ BIDV số tiền 11.810.738.630 đồng; trong đó: Nợ gốc 9.048.000.000 đồng, nợ lãi 2.762.738.630 đồng.

15. Ngày 29/10/2019, BIDV giải ngân cho Công ty vay số tiền 6.728.290.000 đồng. Thời hạn vay 6 tháng kể từ ngày giải ngân, lãi suất 6,1%/năm, lãi suất điều chỉnh vào ngày đầu tiên của quý, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty đã không thực hiện trả nợ theo thỏa thuận nên đến ngày 29/04/2020 BIDV đã chuyển khoản vay sang nợ quá hạn. Tính đến hết ngày 29/06/2023, Công ty còn nợ BIDV số tiền 8.195.533.730 đồng; trong đó: Nợ gốc 6.728.290.000 đồng, nợ lãi 1.467.243.730 đồng.

16. Ngày 01/11/2019, BIDV giải ngân cho Công ty vay số tiền 4.129.422.000 đồng. Thời hạn vay 6 tháng kể từ ngày giải ngân, lãi suất 6,0%/năm, lãi suất điều chỉnh vào ngày đầu tiên của quý, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Lãi suất trả định kỳ vào ngày 25 hàng tháng. Quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty đã không thực hiện trả nợ theo thỏa thuận nên đến ngày 04/05/2020 BIDV đã chuyển khoản vay sang nợ quá hạn. Tính đến hết ngày 29/06/2023, Công ty còn nợ BIDV số tiền 5.015.166.048 đồng; trong đó: Nợ gốc 4.129.422.000 đồng, nợ lãi 885.744.048 đồng.

17. Ngày 07/11/2019, BIDV giải ngân cho Công ty vay số tiền 6.959.700.000 đồng. Thời hạn vay 6 tháng kể từ ngày giải ngân, lãi suất 6,0%/năm, lãi suất điều chỉnh vào ngày đầu tiên của quý, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Lãi suất trả định kỳ vào ngày 25 hàng tháng. Quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty đã không thực hiện trả nợ theo thỏa thuận nên đến ngày 07/05/2020 BIDV đã chuyển khoản vay sang nợ quá hạn. Tính đến hết ngày 29/06/2023, Công ty còn nợ BIDV số tiền 8.452.069.424 đồng; trong đó: Nợ gốc là 6.959.700.000 đồng, nợ lãi 1.492.369.424 đồng.

18. Ngày 07/11/2019, BIDV giải ngân cho Công ty vay số tiền 1.637.125.291 đồng. Thời hạn vay 6 tháng kể từ ngày giải ngân, lãi suất 7,0%/năm, lãi suất điều chỉnh vào ngày đầu tiên của quý, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Lãi suất trả định kỳ vào ngày 25 hàng tháng. Quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty đã không thực hiện trả nợ theo thỏa thuận nên đến ngày 07/05/2020 BIDV đã chuyển khoản vay sang nợ quá hạn. Tính đến hết ngày 29/06/2023, Công ty còn nợ BIDV số tiền 2.038.519.258 đồng; trong đó, nợ gốc 1.637.125.291 đồng, nợ lãi 401.393.967 đồng.

19. Ngày 08/11/2019, BIDV giải ngân cho Công ty vay số tiền 6.031.480.000 đồng. Thời hạn vay 6 tháng kể từ ngày giải ngân, lãi suất 6,0%/năm, lãi suất điều chỉnh vào ngày đầu tiên của quý, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Lãi suất trả định kỳ vào ngày 25 hàng tháng. Quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty đã không thực hiện trả nợ theo thỏa thuận nên đến ngày 08/05/2020 BIDV đã chuyển khoản vay sang nợ quá hạn. Tính đến hết ngày 29/06/2023, Công ty còn nợ BIDV số tiền 7.324.761.508 đồng; trong đó: Nợ gốc là 6.031.480.000 đồng, nợ lãi 1.293.281.508 đồng.

20. Ngày 13/11/2019, BIDV giải ngân cho Công ty vay số tiền 5.220.225.000 đồng. Thời hạn vay 6 tháng kể từ ngày giải ngân, lãi suất 6,0%/năm, lãi suất điều chỉnh vào ngày đầu tiên của quý, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty đã không thực hiện trả nợ theo thỏa thuận nên đến ngày 13/05/2020 BIDV đã chuyển khoản vay sang nợ quá hạn. Tính đến hết ngày 29/6/2023, Công ty còn nợ BIDV số tiền 6.339.341.126 đồng; trong đó: Nợ gốc 5.220.225.000 đồng, nợ lãi 1.119.116.126 đồng.

21. Ngày 15/11/2019, BIDV giải ngân cho Công ty vay số tiền 7.425.280.000 đồng. Thời hạn vay 6 tháng kể từ ngày giải ngân, lãi suất 6,0%/năm, lãi suất điều chỉnh vào ngày đầu tiên của quý, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Lãi suất trả định kỳ vào ngày 25 hàng tháng. Quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty đã không thực hiện trả nợ theo thỏa thuận nên đến ngày 15/05/2020 BIDV đã chuyển khoản vay sang nợ quá hạn. Tính đến hết ngày 29/06/2023, Công ty còn nợ BIDV số tiền 9.016.995.570 đồng; trong đó: Nợ gốc 7.425.280.000 đồng, nợ lãi 1.591.715.570 đồng.

22. Ngày 18/11/2019, BIDV giải ngân cho Công ty vay số tiền 8.585.480.000 đồng. Thời hạn vay 6 tháng kể từ ngày giải ngân, lãi suất 6,0%/năm, lãi suất điều chỉnh vào ngày đầu tiên của quý, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Lãi suất trả định kỳ vào ngày 25 hàng tháng. Quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty đã không thực hiện trả nợ theo thỏa thuận nên đến ngày 18/05/2020 BIDV đã chuyển khoản vay sang nợ quá hạn. Tính đến hết ngày 29/06/2023, Công ty còn nợ BIDV số tiền 10.425.689.431 đồng; trong đó: Nợ gốc 8.585.480.000 đồng, nợ lãi 1.840.209.431 đồng.

23. Ngày 26/11/2019, BIDV giải ngân cho Công ty vay số tiền 6.493.200.000 đồng. Thời hạn vay 6 tháng kể từ ngày giải ngân, lãi suất 6,0%/năm, lãi suất điều chỉnh vào ngày đầu tiên của quý, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty đã không thực hiện trả nợ theo thỏa thuận nên đến ngày 26/05/2020 BIDV đã chuyển khoản vay sang nợ quá hạn. Tính đến hết ngày 29/06/2023, Công ty còn nợ BIDV số tiền 7.884.523.759 đồng; trong đó: Nợ gốc 6.493.200.000 đồng, nợ lãi 1.391.323.759 đồng.

24. Ngày 28/11/2019, BIDV giải ngân cho Công ty vay số tiền 9.279.600.000 đồng. Thời hạn vay 6 tháng kể từ ngày giải ngân, lãi suất 6,0%/năm, lãi suất điều chỉnh vào ngày đầu tiên của quý, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Lãi suất trả định kỳ vào ngày 25 hàng tháng. Quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty đã không thực hiện trả nợ theo thỏa thuận nên đến ngày 28/05/2020 BIDV đã chuyển khoản vay sang nợ quá hạn. Tính đến hết ngày 29/06/2023, Công ty còn nợ BIDV số tiền 11.267.824.215 đồng; trong đó: Nợ gốc 9.279.600.000 đồng, nợ lãi 1.988.224.215 đồng.

25. Ngày 02/12/2019, BIDV giải ngân cho Công ty vay số tiền 9.037.080.000 đồng. Thời hạn vay 6 tháng kể từ ngày giải ngân, lãi suất 6,0%/năm, lãi suất điều chỉnh vào ngày đầu tiên của quý, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Lãi suất trả định kỳ vào ngày 25 hàng tháng. Quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty đã không thực

hiện trả nợ theo thỏa thuận nên đến ngày 02/06/2020 BIDV đã chuyển khoản vay sang nợ quá hạn. Tính đến hết ngày 29/06/2023, Công ty còn nợ BIDV số tiền 10.972.971.091 đồng; trong đó: Nợ gốc 9.037.080.000 đồng, nợ lãi 1.935.891.091 đồng.

26. Ngày 06/12/2019, BIDV giải ngân cho Công ty vay số tiền 1.565.980.362 đồng. Thời hạn vay 6 tháng kể từ ngày giải ngân, lãi suất 7,0%/năm, lãi suất điều chỉnh vào ngày đầu tiên của quý, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Lãi suất trả định kỳ vào ngày 25 hàng tháng. Quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty đã không thực hiện trả nợ theo thỏa thuận nên đến ngày 08/06/2020 BIDV đã chuyển khoản vay sang nợ quá hạn. Tính đến hết ngày 29/06/2023, Công ty còn nợ BIDV số tiền 1.949.450.340 đồng; trong đó: Nợ gốc 1.565.980.362 đồng, nợ lãi 383.469.978 đồng.

27. Ngày 31/12/2019, BIDV giải ngân cho Công ty vay số tiền 8.827.400.000 đồng. Thời hạn vay 6 tháng kể từ ngày giải ngân, lãi suất 7,0%/năm, lãi suất điều chỉnh vào ngày đầu tiên của quý, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Lãi suất trả định kỳ vào ngày 25 hàng tháng. Quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty đã không thực hiện trả nợ theo thỏa thuận nên đến ngày 30/06/2020 BIDV đã chuyển khoản vay sang nợ quá hạn. Sau khi chuyển nợ quá hạn thì Công ty đã bàn giao tài sản để BIDV xử một phần nợ gốc và lãi nên khoản vay được đối trừ, tính đến hết ngày 30/09/2021 tổng số dư nợ 4.790.631.727 đồng; trong đó: Nợ gốc 3.995.510.000 đồng, nợ lãi 795.121.727 đồng. Tính đến hết ngày 29/06/2023, Công ty còn nợ BIDV số tiền 5.303.146.194 đồng; trong đó: Nợ gốc 3.995.510.000 đồng, nợ lãi 1.307.636.194 đồng.

- *Hợp đồng tín dụng thứ hai như sau:* Ngày 07/02/2020, BIDV ký hợp đồng tín dụng số 01/2020/8101548/HĐTD ngày 07/02/2020. Theo hợp đồng này, số dư nợ vay được chuyển tiếp từ các hợp đồng tín dụng cụ thể đã giải ngân phát sinh từ hợp đồng tín dụng hạn mức số 06/2018/81011548/HĐTD ngày 07/12/2018 và văn bản sửa đổi bổ sung ngày 30/12/2019, thời hạn cấp hạn mức đến hết ngày 31/12/2020.

Các tài sản bảo đảm cho khoản vay theo hợp đồng này được quy định gồm các tài sản bảo đảm nêu T2i hợp đồng số 06. Do Công ty thuộc đối tượng khách hàng đủ điều kiện được BIDV Hội sở áp dụng chính sách cấp tín dụng tín chấp một phần không có tài sản bảo đảm theo quy định của BIDV và được giải ngân bằng hình thức chuyển khoản cho nhà cung cấp theo 3 khoản vay như sau:

1. Ngày 07/02/2020, BIDV giải ngân cho Công ty vay số tiền 1.325.537.433 đồng. Thời hạn vay 6 tháng kể từ ngày giải ngân, lãi suất 7,0%/năm, lãi suất điều chỉnh vào ngày đầu tiên của quý, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Lãi suất trả định kỳ vào ngày 25 hàng tháng. Quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty đã không thực hiện trả nợ theo thỏa thuận nên đến ngày 07/08/2020 BIDV đã chuyển khoản vay sang nợ quá hạn. Tính đến hết ngày 29/06/2023, Công ty còn nợ BIDV số tiền 1.649.366.228 đồng; trong đó: Nợ gốc 1.325.537.433 đồng, nợ lãi 323.828.795 đồng.

2. Ngày 12/02/2020, BIDV giải ngân cho Công ty vay số tiền 5.900.000.000 đồng. Thời hạn vay 6 tháng kể từ ngày giải ngân, lãi suất 7,0%/năm, lãi suất điều chỉnh

vào ngày đầu tiên của quý, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Lãi suất trả định kỳ vào ngày 25 hàng tháng. Quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty đã không thực hiện trả nợ theo thỏa thuận nên đến ngày 12/08/2020 BIDV đã chuyển khoản vay sang nợ quá hạn. Tính đến hết ngày 29/06/2023, Công ty còn nợ BIDV số tiền 7.730.144.438 đồng; trong đó: Nợ gốc 5.900.000.000 đồng, nợ lãi 1.830.144.438 đồng.

3. Ngày 20/02/2020, BIDV giải ngân cho Công ty vay số tiền 2.430.000.000 đồng. Thời hạn vay 6 tháng kể từ ngày giải ngân, lãi suất 8,8%/năm, lãi suất điều chỉnh vào ngày đầu tiên của quý, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Lãi suất trả định kỳ vào ngày 25 hàng tháng. Quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty đã không thực hiện trả nợ theo thỏa thuận nên đến ngày 20/08/2020 BIDV đã chuyển khoản vay sang nợ quá hạn. Sau khi chuyển nợ quá hạn thì Công ty đã bàn giao tài sản để BIDV xử một phần nợ gốc và lãi nên khoản vay được đối trừ. Đến hết ngày 30/09/2021 Công ty còn nợ BIDV 2.175.865.143 đồng; trong đó: Nợ gốc 1.926.731.229 đồng, nợ lãi 249.133.914 đồng. Tính đến hết ngày 29/06/2023, Công ty còn nợ BIDV số tiền 2.423.011.972 đồng; trong đó: Nợ gốc 1.926.731.229 đồng, nợ lãi 496.280.743 đồng.

Tổng toàn bộ khoản vay của Công ty còn nợ BIDV tính đến hết ngày 29/06/2023, gồm: Tổng dư nợ tiền VNĐ: 189.480.411.376 đồng; trong đó: Nợ gốc: 149.920.647.163 đồng, nợ lãi: 39.559.764.213 đồng. Tổng dư nợ USD: 868,559.16 USD; trong đó: Nợ gốc: 701,197 USD, nợ lãi: 167,362.16 USD.

BIDV xác nhận chưa bán khoản vay trên cho cơ quan tổ chức nào. Nay BIDV yêu cầu Công ty thanh toán trả BIDV toàn bộ số tiền nêu trên và lãi suất phát sinh kể từ ngày 30/6/2023 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản vay. Trường hợp phía Công ty thực hiện hoặc không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì BIDV yêu cầu xử lý các tài sản đảm bảo để thu hồi nợ.

** Bà Chu Thị Út Qu là người đại diện theo ủy quyền của Công ty cổ phần Five9 VN trình bày:* Phía bị đơn xác nhận là khách hàng đã vay tiền BIDV nhiều lần. Bà nhất trí với thời gian vay, điều kiện vay vốn, tài sản thế chấp, lãi suất 30 khoản vay như người đại diện theo ủy quyền của BIDV trình bày là đúng.

Quá trình thực hiện hợp đồng, do Công ty làm ăn gặp khó khăn nên đã phát sinh nợ quá hạn. Công ty đã chủ động bàn giao cho BIDV xử lý tài sản thế chấp, cầm cố thì giữa các bên đều có biên bản bàn giao, đối chiếu công nợ và thỏa thuận số tiền này được trừ vào một phần nợ gốc, lãi quá hạn. Tổng giá trị tài sản thế chấp, cầm cố Công ty bàn giao cho BIDV để xử lý là 26.900.000.000 đồng (theo giá trị định giá khi thế chấp, cầm cố); giá trị tài sản được xử lý theo quy định của pháp luật là 27.459.432.270 đồng; số tiền được đối trừ khoản nợ của Công ty tại BIDV là 27.323.465.074 đồng. Tài sản được xử lý, bao gồm: Trái phiếu BIDV giá trị thế chấp 4.190.000.000 đồng, xử lý thu hồi 4.508.440.000 đồng; hợp đồng tiền gửi số 001/2017/HDTG.116.81015, giá trị thế chấp 4.000.000.000 đồng, xử lý thu hồi 4.108.975.343 đồng; hợp đồng tiền gửi số 008/2018/HDTG.HD-FIVE9, giá trị thế

chấp 4.800.000.000 đồng, xử lý thu hồi 5.157.948.494 đồng; hợp đồng tiền gửi số 001/2019/HDTG.HD.FIVE9 giá trị thế chấp 1.500.000.000 đồng, xử lý thu hồi 1.755.418.462 đồng; xe ô tô MERCEDES 30F-997.33 giá trị thế chấp 2.900.000.000 đồng, xử lý thu hồi 2.163.150.300 đồng; Thẻ tiết kiệm số AAB4037338 giá trị thế chấp 9.510.000.000đ, xử lý thu hồi 9.765.499.671 đồng.

Các tài sản thế chấp, Công ty bàn giao cho BIDV chưa được xử lý gồm: Hệ thống điện toán đám mây IBM Bluebox; 01 (Một) máy chủ IBM Integrated Analytics System; 06 (Sáu) máy tính chủ hiệu Dell R630; quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất thửa số 150, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BA766505 do UBND quận Đống Đa cấp cho ông Ngô Xuân T2 và bà Trần Thị T3.

Quá trình tham gia tố tụng T2i Tòa án, bà được đã được đối chiếu 30 khoản vay của Công ty nêu trên T2i BIDV thì bà có ý kiến như sau: Về mức lãi suất trong hạn đối với từng khoản vay là Việt Nam đồng và USD thì bà không có ý kiến gì. Đề nghị Ngân hàng khoan gốc, xin miễn lãi quá hạn để Công ty có điều kiện trả nợ gốc.

** Quá trình tham gia tố tụng T2i Tòa án bà Trần Thị T3 đồng thời là người đại diện của ông Ngô Xuân T2 trình bày:* Ngày 29/3/2019, bà và chồng là ông Ngô Xuân T2 ký hợp đồng thế chấp bảo đảm cho khoản vay của Công ty tại BIDV. Tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 150, tờ bản đồ số 6-H-I-23, diện tích 75,7m²; địa chỉ: Số 10 ngách 15, ngõ Hoàng An A, phường Trung Phụng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội; số giấy BA766505, số vào sổ cấp giấy chứng nhận CH001502292/2010/QĐ.UBND do Ủy ban nhân dân quận Đống Đa cấp ngày 05/8/2010 cho ông Ngô Xuân T2 và bà Trần Thị T3. Tài sản đảm bảo cho toàn bộ khoản vay của Công ty tại BIDV.

Khi ký kết hợp đồng thế chấp thì vợ chồng bà không có văn bản thỏa thuận nào với Công ty về việc mượn tài sản. Tuy nhiên, giữa ông Ngô Minh Kh là con trai của bà và ông T2 có quan hệ bạn bè, làm ăn với ông H. Ông Kh nói với vợ chồng bà thế chấp thửa đất số 150 nêu trên bảo lãnh cho khoản vay của ông Huân và vợ chồng bà đã đồng ý. Nguồn gốc thửa đất là tài sản chung của vợ chồng bà. Quá trình sử dụng đất đến nay giữa vợ chồng và các hộ liên kề không có tranh chấp gì, tài sản từ khi thế chấp đến nay không có biến động thay đổi gì. Hiện trạng thửa đất vẫn giữ nguyên hiện trạng như khi thế chấp, hiện tại vợ chồng bà và ông Kh đang sinh sống trên thửa đất thế chấp, ngoài ra không có ai khác sinh sống. Nay BIDV khởi kiện Công ty yêu cầu xử lý tài sản bảo đảm là thửa đất số 150 thì bà không đồng ý, bà yêu cầu Công ty trả nợ BIDV để giải chấp tài sản bảo đảm trả lại cho gia đình vợ chồng bà.

Vợ chồng bà đề nghị xem xét nội dung đơn tố cáo ông Nguyễn Trọng H có dấu hiệu lừa đảo, lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản, cụ thể: Ông H nhờ vợ chồng bà bảo lãnh khoản vay rồi bỏ trốn; vợ chồng bà đã điện thoại cho ông H yêu cầu rút tài sản bảo đảm nhưng không được; từ khi thế chấp tài sản thì ông H cũng như Công ty không có ý kiến gì với vợ chồng bà. Công ty và ông Nguyễn Trọng H lừa đảo trong giao dịch với

BIDV, cụ thể: Ông H hoàn toàn bình thường chứ không phải ông H đi điều trị bệnh ở nước Mỹ. Lãnh đạo BIDV - Chi nhánh Hoài Đức thông đồng, nhận hối lộ cho phép doanh nghiệp rút tài sản là tòa nhà dẫn đến tình trạng doanh nghiệp tẩu tán tài sản bỏ trốn, có dấu hiệu vi phạm quy định về quản lý tín dụng. Với các nội dung đơn tố cáo của vợ chồng ông bà thì bà không cung cấp được bất cứ tài liệu, chứng cứ liên quan.

** Quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án ông Ngô Minh Kh trình bày:* Ông là con trai của ông Ngô Xuân T2 và bà Trần Thị T3. Ông hoàn toàn nhất trí lời trình bày của bà T3 nêu trên. Trên thửa đất thế chấp hiện nay có bố mẹ ông và ông đang sinh sống, ngoài ra không có ai khác sinh sống ở đó. Tài sản từ khi thế chấp đến nay không có biến động thay đổi gì. Nay BIDV khởi kiện Công ty yêu cầu xử lý tài sản bảo đảm liên quan đến thửa đất số 150 nêu trên thì ông đề nghị: Hủy hợp đồng thế chấp thửa đất số 150 vì thời điểm ông T2 ký đã có tiền sử bệnh Alzheimer. Ông đề nghị Công ty và ông H nộp số tiền tương ứng để giải chấp tài sản cho bố mẹ ông; BIDV phải chứng minh, cung cấp bằng chứng tài liệu về việc đã thực hiện thẩm định, giải ngân, kiểm tra sau cho vay; ông thiện chí giải chấp tài sản nếu phía bị đơn đưa ra phương án giải chấp tài sản với ông.

** Ông Ngô Xuân Th là người đại diện theo ủy quyền của Văn phòng công chứng Bình Minh trình bày:* Trong quá trình công tác tại Văn phòng công chứng Bình Minh ông đã từng chứng nhận các hợp đồng công chứng với ông Ngô Xuân T2, bà Trần Thị T3 cụ thể như sau: Vào ngày 12/3/2018, ông trực tiếp ký hợp đồng công chứng thế chấp thửa đất số 63, tờ bản đồ 6E/2II/ tại địa chỉ: Số 2, ngách 18/10 phố Huỳnh Thúc Khg, quận Đống Đ, Hà Nội với ông Ngô Xuân T2, bà Trần Thị T3. Hợp đồng đảm bảo cho khoản vay của ông Ngô Minh Kh và vợ là bà Gi tại BIDV- Chi nhánh Hoài Đức. Ngày 29/3/2019, ông trực tiếp ký hợp đồng công chứng thế chấp thửa đất số 150, tờ bản đồ 6H-I-23, tại địa chỉ: Số 10, ngách 15, phố Hoàng An A, phường Trung Ph, quận Đống Đ, Hà Nội với ông Ngô Xuân T2 và bà Trần Thị T3. Hợp đồng đảm bảo cho khoản vay của Công ty tại BIDV - Chi nhánh Hoài Đức. Tại thời điểm ông T2, bà T3 ký hai hợp đồng này thì ông Kh giữ chức vụ Phó Giám đốc BIDV - Chi nhánh Hoài Đức và đều có mặt chứng kiến. Theo ông thì ông T2 hoàn toàn minh mẫn, có năng lực hành vi dân sự theo quy định của pháp luật. Mặt khác, ông tra cứu trên hệ thống Uchi được biết ngày 04/12/2021, ông Ngô Xuân T2 và bà Trần Thị T3 có thực hiện giao dịch tại Văn phòng công chứng Nguyễn T4 thành phố Hà Nội. Do vậy, ông Kh yêu cầu tuyên bố hủy văn bản công chứng hợp đồng thế chấp do ông Ngô Xuân T2 nhận thức hạn chế thì ông không nhất trí như đã trình bày.

Tại phiên tòa:

- Người đại diện theo ủy quyền của BIDV yêu cầu Công ty phải trả nợ BIDV toàn bộ số tiền tạm tính đến ngày 03/8/2023, gồm:

Tổng dư nợ tiền VNĐ: 190.593.182.368đ (Một trăm chín mươi tỷ năm trăm chín mươi ba triệu một trăm tám mươi hai nghìn ba trăm sáu mươi tám đồng). Trong

đó: Nợ gốc 149.920.647.163 đồng, lãi trong hạn 2.455.695.381 đồng, lãi quá hạn 38.216.839.824 đồng.

Tổng dư nợ USD: 872,738 USD (Tám trăm bảy mươi hai nghìn bảy trăm ba mươi tám đô la mỹ). Trong đó: Nợ gốc 701,197 USD, lãi trong hạn 3,391 USD; lãi quá hạn 168,150 USD. Tổng dư nợ bao gồm gốc, lãi USD sau quy đổi sang VNĐ theo tỷ giá trung tâm của Ngân hàng Nhà nước tại thời điểm ngày 03/08/2023 là: 872,738 USD x 23.773VNĐ/1USD = 20.747.600.474đ (Hai mươi tỷ bảy trăm bốn mươi bảy triệu sáu trăm nghìn bốn trăm bảy mươi bốn đồng).

Số nợ nêu trên của Công ty T2i BIDV theo 30 khoản vay sau:

Khoản vay ngày 10/07/2019, tổng số dư nợ 197,201 USD. Trong đó: Nợ gốc 151,197 USD, lãi trong hạn 1,432 USD, lãi quá hạn 44,572 USD.

Khoản vay ngày 06/08/2019, tổng số dư nợ: 250,206 USD. Trong đó: Nợ gốc 200,000 USD, lãi trong hạn 962 USD, lãi quá hạn 49,244 USD.

Khoản vay ngày 08/08/2019, tổng số dư nợ 425,331 USD. Trong đó: Nợ gốc 350,000 USD, lãi trong hạn 997 USD, lãi quá hạn 74,334 USD.

Khoản vay ngày 05/9/2019, tổng số dư nợ 7.109.841.613 đồng. Trong đó: Nợ gốc 5.202.566.066 đồng, lãi trong hạn 37.430.828 đồng, lãi quá hạn 1.869.844.719 đồng.

Khoản vay ngày 06/09/2019, tổng dư nợ: 2.101.897.575 đồng. Trong đó: Nợ gốc 1.539.465.466 đồng, lãi trong hạn 10.628.638 đồng; lãi quá hạn 551.803.471 đồng.

Khoản vay ngày 18/09/2019, tổng dư nợ: 12.689.711.944 đồng. Trong đó: Nợ gốc 9.302.000.000 đồng, lãi trong hạn 85.629.369 đồng, lãi quá hạn 3.302.082.575 đồng.

Khoản vay ngày 20/09/2019, tổng dư nợ: 6.975.359.600 đồng. Trong đó: Nợ gốc 5.113.900.000 đồng, lãi trong hạn 49.037.397 đồng, lãi quá hạn 1.812.422.203 đồng.

Khoản vay ngày 30/09/2019, tổng dư nợ: 5.827.327.814 đồng. Trong đó: Nợ gốc 4.275.240.000 đồng, lãi trong hạn 49.194.542 đồng, lãi quá hạn 1.502.893.272 đồng.

Khoản vay ngày 03/10/2019, tổng dư nợ: 7.440.416.735 đồng. Trong đó: Nợ gốc 5.460.225.000 đồng, lãi trong hạn 67.018.652 đồng, lãi quá hạn 1.913.173.083 đồng.

Khoản vay ngày 07/10/2019, tổng dư nợ: 2.151.329.371 đồng. Trong đó: Nợ gốc 1.579.219.316 đồng, lãi trong hạn 20.594.750 đồng; lãi quá hạn 551.515.305 đồng.

Khoản vay ngày 11/10/2019, tổng dư nợ: 8.495.852.713 đồng. Trong đó: Nợ gốc 6.960.000.000 đồng, lãi trong hạn 84.664.110 đồng, lãi quá hạn 1.451.188.603 đồng.

Khoản vay ngày 16/10/2019, tổng dư nợ: 7.670.470.470 đồng. Trong đó: Nợ gốc 6.265.080.000 đồng, lãi trong hạn 80.622.139 đồng, lãi quá hạn 1.324.768.331 đồng.

Khoản vay ngày 22/10/2019, tổng dư nợ: 11.704.815.054 đồng. Trong đó: Nợ gốc 8.934.310.000 đồng, lãi trong hạn 0 đồng, lãi quá hạn 2.770.505.054 đồng.

Khoản vay ngày 25/10/2019, tổng dư nợ: 11.888.824.109 đồng. Trong đó: Nợ gốc 9.048.000.000 đồng, lãi trong hạn 38.670.904 đồng, lãi quá hạn 2.802.153.205 đồng.

Khoản vay ngày 29/10/2019, tổng dư nợ: 8.236.857.412 đồng. Trong đó, nợ gốc 6.728.290.000 đồng, lãi trong hạn 101.200.854 đồng, lãi quá hạn 1.407.366.558 đồng.

Khoản vay ngày 01/11/2019, tổng dư nợ: 5.040.112.282 đồng. Trong đó: Nợ gốc 4.129.422.000 đồng, lãi trong hạn 61.092.818 đồng, lãi quá hạn 849.597.464 đồng.

Khoản vay ngày 07/11/2019, tổng dư nợ: 8.494.113.640 đồng. Trong đó: Nợ gốc 6.959.700.000 đồng, lãi trong hạn 112.117.907 đồng, lãi quá hạn 1.422.295.733 đồng.

Khoản vay ngày 07/11/2019, tổng dư nợ: 2.050.057.628 đồng. Trong đó: Nợ gốc 1.637.125.291 đồng, lãi trong hạn 22.605.785 đồng, lãi quá hạn 390.326.552 đồng.

Khoản vay ngày 08/11/2019, tổng dư nợ: 7.361.198.258 đồng. Trong đó: Nợ gốc 6.031.480.000 đồng, lãi trong hạn 98.156.140 đồng, lãi quá hạn 1.231.562.118 đồng.

Khoản vay ngày 13/11/2019, tổng dư nợ: 6.370.877.005 đồng. Trong đó: Nợ gốc 5.220.225.000 đồng, lãi trong hạn 89.244.394 đồng, lãi quá hạn 1.061.407.611 đồng.

Khoản vay ngày 15/11/2019, tổng dư nợ: 9.061.852.398 đồng. Trong đó: Nợ gốc 7.425.280.000 đồng, lãi trong hạn 129.382.961 đồng, lãi quá hạn 1.507.189.437 đồng.

Khoản vay ngày 18/11/2019, tổng dư nợ: 10.477.555.139 đồng. Trong đó: Nợ gốc 8.585.480.000 đồng, lãi trong hạn 153.832.984 đồng, lãi quá hạn 1.738.242.155 đồng.

Khoản vay ngày 26/11/2019, tổng dư nợ: 7.923.749.803 đồng; trong đó, nợ gốc là 6.493.200.000 đồng, nợ lãi 1.430.549.803 đồng (gồm: Lãi trong hạn 124.882.915 đồng; lãi quá hạn 1.305.666.888 đồng).

Khoản vay ngày 28/11/2019, tổng dư nợ: 11.323.883.168 đồng. Trong đó: Nợ gốc 9.279.600.000 đồng, lãi trong hạn 181.524.230 đồng, lãi quá hạn 1.862.758.938 đồng.

Khoản vay ngày 02/12/2019, tổng dư nợ: 11.027.564.958 đồng. Trong đó: Nợ gốc 9.037.080.000 đồng, lãi trong hạn 184.207.878 đồng, lãi quá hạn 1.806.277.080 đồng.

Khoản vay ngày 06/12/2019, tổng dư nợ: 1.960.487.283 đồng. Trong đó: Nợ gốc 1.565.980.362 đồng, lãi trong hạn 31.233.800 đồng, lãi quá hạn 363.273.121 đồng.

Khoản vay ngày 31/12/2019, tổng dư nợ: 5.331.306.329 đồng. Trong đó: Nợ gốc 3.995.510.000 đồng, lãi trong hạn 257.324.756 đồng, lãi quá hạn 1.078.471.573 đồng.

Khoản vay ngày 07/02/2020, tổng dư nợ: 1.658.708.543 đồng. Trong đó: Nợ gốc 1.325.537.433 đồng, lãi trong hạn 41.690.876 đồng, lãi quá hạn 291.480.234 đồng.

Khoản vay ngày 12/02/2020, tổng dư nợ: 7.782.420.055 đồng. Trong đó: Nợ gốc 5.900.000.000 đồng, lãi trong hạn 258.888.767 đồng, lãi quá hạn 1.623.531.288 đồng.

Khoản vay ngày 20/02/2020, tổng dư nợ: 2.436.591.468 đồng. Trong đó: Nợ gốc 1.926.731.229 đồng, lãi trong hạn 84.816.986 đồng, lãi quá hạn 425.043.253 đồng.

Trường hợp Công ty không trả nợ cho BIDV hoặc trả nợ không đầy đủ thì yêu cầu xử lý tài sản bảo đảm để thu hồi nợ, gồm: Hệ thống điện toán đám mây IBM Bluebox; 01 máy chủ IBM Integrated Alalytics System; 06 máy tính chủ hiệu Dell

R630; quyền sử dụng đất và tài sản trên thửa đất số 150 nêu trên. Lãi suất áp dụng của toàn bộ khoản vay kể từ ngày 04/8/2023 theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng cho đến khi Công ty thanh toán xong toàn bộ khoản vay. BIDV yêu cầu Công ty trả lại BIDV chi phí xem xét thẩm định T2i chỗ và chi phí thẩm định giá tài sản đã chi là 14.000.000đ (Mười bốn triệu đồng).

- Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn bà Chu Thị Út Qu giữ nguyên quan điểm trình bày trên. Bà được người đại diện theo pháp luật của Công ty cổ phần Five9 VN ủy quyền kể từ khi thụ lý vụ án đến nay. Quá trình tham gia tố tụng, bà đã được đối chiếu khoản vay và lãi suất áp dụng của từng khoản vay, biên bản đối chiếu công nợ sau khi xử lý tài sản bảo đảm và việc đối trừ vào khoản vay như người đại diện của BIDV trình bày là đúng. Bà đã được BIDV cung cấp bảng tính lãi suất 30 khoản vay của Công ty còn nợ tạm tính đến ngày 03/8/2023 như người đại diện của BIDV trình bày trên thì bà nhất trí và không có ý kiến gì. Công ty tự nguyện hoàn trả lại BIDV số tiền chi phí xem xét thẩm định T2i chỗ, chi phí thẩm định giá tài sản đã chi 14.000.000đ (Mười bốn triệu đồng).

- Ông Ngô Minh Kh giữ nguyên quan điểm đã trình bày nêu trên. Ngày 20/4/2022, ông đồng ý nhận ủy quyền của ông T2, bà T3 nhận văn bản tố tụng của Tòa án. Ông đã nhận các văn bản và giao lại cho ông T2, bà T3 nhưng ông T2, bà T3 tuổi cao không tham gia tố tụng. Ông đề nghị Tòa án làm rõ nội dung đơn ngày 26/6/2023. Ông tự nguyện xin rút yêu cầu độc lập hủy hợp đồng thế chấp thửa đất số 150.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đan Phượng tại phiên tòa phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán kể từ khi thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định của pháp luật; việc cấp, tổng đạt các văn bản tố tụng cho đương sự, thu thập chứng cứ, tài liệu được thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Thời hạn chuẩn bị xét xử chưa đảm bảo là do phát sinh yêu cầu mới của đương sự. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa chấp hành đúng theo trình tự Bộ luật tố tụng dân sự quy định.

Về nội dung: Xét thấy BIDV và Công ty cổ phần Five9 VN ký kết hợp đồng tín dụng thứ nhất và văn bản sửa đổi bổ sung, hợp đồng thế chấp, hợp đồng cầm cố, văn bản nhận nợ khoản vay; hợp đồng tín dụng hạn mức chuyển tiếp từ các hợp đồng tín dụng cụ thể đã giải ngân phát sinh từ hợp đồng tín dụng hạn mức số 06 ngày 07/12/2018 và văn bản sửa đổi bổ sung ngày 30/12/2019, thời hạn cấp hạn mức đến hết ngày 31/12/2020 đều trên cơ sở tự nguyện. Lãi suất áp dụng trong suốt quá trình thực hiện các hợp đồng đều phù hợp với mức lãi suất do Ngân hàng nhà nước quy định. Do Công ty vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên BIDV khởi kiện yêu cầu Công ty thực hiện nghĩa vụ trả nợ là có căn cứ. Tại phiên tòa ông Kh tự nguyện xin rút yêu cầu độc lập nên đình chỉ đối với yêu cầu của ông Kh. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng; Điều 30, Điều 35, Điều 40, Điều 147, Điều 157 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý sử dụng án

phí, lệ phí Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; bị đơn phải chịu án phí kinh doanh thương mại và chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, thẩm định giá tài sản theo quy định của pháp luật; trả lại ông Kh tiền tạm ứng án phí đối với yêu cầu độc lập.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Ngày 07/12/2018 và ngày 07/02/2020, BIDV ký hợp đồng tín dụng với Công ty cổ phần Five9 VN. Theo các hợp đồng này, BIDV các bên thỏa thuận: Mục đích bổ sung vốn kinh doanh lưu động; trường hợp có vi phạm thì nguyên đơn có quyền lựa chọn Tòa án nơi ký hợp đồng là nơi BIDV – Chi nhánh Hoài Đức có trụ sở: Xã Tân Lập, huyện Đan Phượng, thành phố Hà Nội giải quyết tranh chấp. Do Công ty vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên BIDV khởi kiện Công ty tại Tòa án nhân dân huyện Đan Phượng theo thỏa thuận ghi trong hợp đồng tín dụng. Do vậy, tranh chấp phát sinh trong vụ án là tranh chấp kinh doanh thương mại thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Đan Phượng được quy định tại Điều 30, Điều 35, Điều 40 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của BIDV yêu cầu Tòa án buộc Công ty phải trả nợ theo hợp đồng tín dụng số 06 ngày 07/12/2018 và văn bản sửa đổi bổ sung ngày 30/12/2019 và hợp đồng tín dụng số 01 ngày 07/02/2020 gồm tổng dư nợ tiền VNĐ và USD của 30 khoản vay nêu trên T2m tính đến ngày 03/8/2023, gồm:

Tổng dư nợ tiền VNĐ: 190.593.182.368đ (Một trăm chín mươi tỷ năm trăm chín mươi ba triệu một trăm tám mươi hai ba trăm sáu mươi tám). Trong đó: Gốc 149.920.647.163 đồng; lãi trong hạn 2.455.695.381 đồng, lãi quá hạn 38.216.839.824 đồng.

Tổng dư nợ USD: 872,738 USD (Tám trăm bảy mươi hai nghìn bảy trăm ba mươi tám đô la mỹ). Trong đó: Nợ gốc 701,197 USD, lãi trong hạn 3,391 USD, lãi quá hạn 168,150 USD.

[2.1] Về khoản nợ gốc: Theo các hợp đồng tín dụng và văn bản sửa đổi bổ sung nêu trên thì phía Công ty xác nhận toàn bộ khoản nợ vay, sau khi Công ty đã chủ động bàn giao cho BIDV xử lý tài sản cầm cố, thế chấp thì giữa các bên đều có biên bản bàn giao và đối chiếu công nợ và thỏa thuận số tiền được trừ vào một phần nợ gốc, lãi quá hạn. Công ty không có ý kiến gì đối với việc BIDV cung cấp số tiền đã trả, thời gian vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Do vậy, có đủ cơ sở chấp nhận yêu cầu này của BIDV buộc Công ty trả BIDV gồm: Tổng dư nợ tiền VNĐ 149.920.647.163đ (Một trăm bốn mươi chín tỷ chín trăm hai mươi triệu sáu trăm bốn mươi bảy nghìn một trăm sáu mươi ba đồng); tổng dư nợ USD 701,197 USD (Bảy trăm linh một nghìn một trăm chín mươi bảy đô la mỹ).

[2.2] Về khoản nợ lãi trong hạn: Theo hợp đồng tín dụng số 06 ngày

07/12/2018 và văn bản sửa đổi bổ sung ngày 30/12/2019, hợp đồng tín dụng số 01 ngày 07/02/2020 thì Công ty còn nợ BIDV 30 khoản vay nêu trên. Xét thấy: Mức lãi suất trong hạn các bên thỏa thuận tại thời điểm ký kết phù hợp với lãi suất quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam tại thời điểm ký hợp đồng theo Thông tư số 39/2016/TT- NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng Nhà nước. Do vậy, BIDV yêu Công ty trả lãi trong hạn được chấp nhận, gồm: Dư nợ lãi trong hạn đối với tiền VNĐ 2.455.695.381đ (Hai tỷ bốn trăm năm mươi lăm triệu sáu trăm chín mươi lăm nghìn ba trăm tám mươi một đồng); dư nợ lãi trong hạn đối với USD: 3,391 USD (Ba nghìn ba trăm chín mươi một đô la mỹ).

[2.3] Về khoản nợ lãi quá hạn: Theo quy định trong hợp đồng tín dụng hạn mức, các giấy nhận nợ các bên thỏa thuận khoản lãi quá hạn xác định bằng 150% lãi suất trong hạn là phù hợp với quy định của pháp luật. Quá trình tham gia tố tụng Công ty không có ý kiến gì về việc áp dụng lãi suất trong hạn của khoản vay. Do vậy, yêu cầu của BIDV có căn cứ được chấp nhận buộc Công ty phải trả BIDV số tiền lãi quá hạn gồm: Dư nợ lãi quá hạn đối với tiền VNĐ: 38.216.839.824đ (Ba mươi tám tỷ hai trăm mười sáu triệu tám trăm ba mươi chín nghìn tám trăm hai mươi bốn đồng); dư nợ lãi quá hạn đối với USD: 168,150 USD (Một trăm sáu mươi tám nghìn một trăm năm mươi đô la mỹ).

[3] Xét yêu cầu của BIDV buộc Công ty phải chịu tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất do các bên thỏa thuận trong hợp đồng hạn mức tín dụng từ ngày 04/8/2023 đến ngày thanh toán xong toàn bộ khoản vay. Theo quy định tại Hợp đồng tín dụng hạn mức và Điều 4 quy định tại điều khoản và điều kiện cấp tín dụng các bên có thỏa thuận phần nợ gốc, lãi được điều chỉnh trong toàn bộ thời gian vay của bên vay, kể cả thời gian vượt quá thời hạn vay. Do vậy, yêu cầu của BIDV có căn cứ được chấp nhận.

[4] Xét đơn tố cáo của ông Ngô Xuân T2, ông Ngô Minh Kh, bà T2 Thị T3 với các nội dung sau:

[4.1] Ông Nguyễn Trọng Huân có dấu hiệu lừa đảo, lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài của vợ chồng ông T2, bà T3 rồi bỏ trốn, từ khi thế chấp đến nay thì ông Huân và Công ty không có ý kiến gì với vợ chồng ông bà; ông Huân và Công ty lừa đảo trong giao dịch với BIDV. Ngày 06/7/2022, Tòa án đã chuyển nội dung đơn tố cáo của ông T2, bà T3, ông Kh cùng tài liệu liên quan có trong hồ sơ vụ án đến Công an huyện để giải quyết theo quy định. Ngày 28/7/2022, Công an huyện Đan Phượng ra thông báo tiếp nhận tin báo về tội phạm. Ngày 28/11/2022, Công an huyện Đan Phượng ra Quyết định tạm đình chỉ việc giải quyết nguồn tin về tội phạm với lý do chờ kết quả ủy thác tư pháp.

Xét thấy, quá trình tham gia tố tụng ông Kh, bà T3 đồng thời là người đại diện của ông T2 đều xác định cho ông Huân mượn tài sản là thửa đất số 150 để thế chấp cho khoản vay của Công ty T2i BIDV. Tuy nhiên, các đương sự không có văn bản thỏa thuận ghi nội dung này. Mặt khác, bà T3 cũng như ông Kh xác nhận ông T2, bà T3 tự

nguyên ký hợp đồng thế chấp thửa đất số 150 bảo đảm cho khoản vay của Công ty tại BIDV là phù hợp với lời trình bày của nguyên đơn, bị đơn. Do vậy, xác định ông T2, bà T3 ký kết hợp đồng thế chấp trên đúng trình tự, thủ tục về giao dịch bảo đảm.

Từ khi Tòa án thụ lý vụ án thì người đại diện theo pháp luật của Công ty cổ phần Five9 VN là ông Nguyễn Trọng Huân vắng mặt không tham gia tố tụng nhưng đã có văn bản ủy quyền cho bà Chu Thị Út Qu thay mặt Công ty tham gia giải quyết vụ án là đúng trình tự thủ tục của Bộ luật tố tụng dân sự.

[4.2] Lãnh đạo BIDV - Chi nhánh Hoài Đức thông đồng, nhận hối lộ cho phép doanh nghiệp rút tài sản là tòa nhà dẫn đến tình trạng doanh nghiệp tẩu tán tài sản bỏ trốn có dấu hiệu vi phạm quy định về quản lý tín dụng. Những người tố cáo không cung cấp được bất cứ tài liệu chứng cứ liên quan đến nội dung đơn tố cáo trên.

Đối chiếu với các tài liệu có trong hồ sơ vụ án thể hiện: BIDV cho Công ty vay 30 khoản vay, số tiền VNĐ 155.629.639.868 đồng và USD là 1.270.000. Phần tài sản bảo đảm cho khoản vay của Công ty tại BIDV là 89.111.000.000đ (Tám mươi chín tỷ một trăm mười một triệu đồng). Số tiền cho vay còn lại BIDV căn cứ vào hoạt động kinh doanh của Công ty gồm: Hợp đồng đầu vào, đầu ra của Công ty; báo cáo tài chính và khả năng tài chính của Công ty; các hồ sơ liên quan khác và sau đó BIDV – Chi nhánh Hoài Đức đã trình Hội sở BIDV xét và được duyệt cấp giới hạn tín dụng cho Công ty. Căn cứ các Điều 7, 31, khoản 9 Điều 63, 128 Luật tổ chức tín dụng và Điều 9 Điều lệ của BIDV có căn cứ chấp nhận việc BIDV cho Công ty vay tín chấp.

Công ty tự nguyện bàn giao tài sản bảo đảm cho BIDV để xử lý gồm: Thẻ tiết kiệm, ô tô, trái phiếu để xử lý thu hồi nợ. Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn nhất trí việc bán đấu giá để đổi trừ khoản nợ của Công ty tại BIDV nên không có ý kiến gì. Do vậy, BIDV xử lý tài sản để thu hồi nợ là có căn cứ chấp nhận.

Tại phiên tòa, ông Kh cung cấp nội dung đơn khiếu nại trùng với nội dung đơn tố cáo nêu trên đã được Tòa án chuyển đến Cơ quan công an làm rõ.

[5] T2i phiên tòa, ông Kh tự nguyện xin rút yêu cầu hủy hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 150 nêu trên. Xét thấy ông Kh tự nguyện xin rút yêu cầu độc lập nên Hội đồng xét xử đình chỉ yêu cầu độc lập của ông Kh.

[6] Xét yêu cầu của Ngân hàng xử lý tài sản bảo đảm để thu hồi nợ trong trường hợp Công ty không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ.

Hội đồng xét xử xét thấy: Các hợp đồng tín dụng, văn bản bổ sung hợp đồng tín dụng, hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất các bên đều thỏa thuận tài sản bảo đảm cho khoản vay gồm: Hệ thống điện toán đám mây IBM Bluebox đảm bảo cho toàn bộ khoản vay của Công ty trong thời gian từ ngày 25/10/2017 đến hết ngày 25/10/2037; 01 máy chủ IBM Integrated Analytics System và 06 máy tính chủ hiệu Dell R630 được đảm bảo cho toàn bộ khoản vay của Công ty. Các tài sản này đều được đăng ký giao dịch bảo đảm tại trung T3 đăng ký giao dịch bảo đảm tài sản tại thành phố Hà Nội. Sự thỏa thuận của các bên là tự nguyện nên không tách giá trị tài sản bảo đảm của từng tài

sản thế chấp cho khoản vay của Công ty. Các bên thực hiện thủ tục ký hợp đồng thế chấp, đăng ký giao dịch bảo đảm đúng trình tự, thủ tục cho khoản vay, phù hợp với quy định tại Điều 317, Điều 318, Điều 323 Bộ luật dân sự; Nghị định số 163/2006/NĐ - CP ngày 29/12/2006 về đăng ký giao dịch bảo đảm. Do vậy yêu cầu của nguyên đơn có căn cứ được chấp nhận.

Đối với quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 150, tờ bản đồ số 6-H- I- 23, diện tích 75,7m²; địa chỉ: Số 10 ngách 15 ngõ Hoàng An A, phường Trung Ph, Đống Đ, Thành phố Hà Nội; số giấy BA766505, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận CH001502292/2010/QĐ.UBND do Ủy ban nhân dân quận Đống Đa cấp ngày 05/8/2010 cho ông Ngô Xuân T2 và bà Trần Thị T3. Tài sản đảm bảo cho toàn bộ khoản vay của Công ty T2i BIDV. Xét thấy các bên ký hợp đồng thế chấp trên cơ sở tự nguyện, có công chứng và đều làm thủ tục đăng ký thế chấp tại Văn phòng đăng đất Hà Nội, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai Hà Nội - Chi nhánh khu vực Ba Đình, Hoàn Kiếm, Đống Đa. Thủ tục thế chấp đảm bảo đúng trình tự, thủ tục cho khoản vay, phù hợp với quy định T2i Điều 317, Điều 318, Điều 323 Bộ luật dân sự; Nghị định số 163/2006/NĐ - CP ngày 29/12/2006 về đăng ký giao dịch bảo đảm; Điều 95, Điều 167 Luật đất đai. Do vậy yêu cầu của BIDV có căn cứ được chấp nhận.

[7] Về chi phí tố tụng:

Quá trình tham gia tố tụng, BIDV đã T2m ứng chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, chi phí thẩm định giá tài sản thế chấp của Công ty tại BIDV số tiền 14.000.000đ (Mười bốn triệu đồng). Tại phiên tòa, Công ty tự nguyện hoàn trả lại BIDV số tiền chi phí tố tụng là 14.000.000đ (Mười bốn triệu đồng) là có căn cứ chấp nhận.

[8] Về án phí: Yêu cầu khởi kiện của BIDV được chấp nhận nên Công ty phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Ông Ngô Minh Kh tự nguyện rút yêu cầu độc lập nên trả lại ông Kh số tiền tạm ứng đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng; các Điều 317, 318, 323 Bộ luật dân sự; Điều 95, 167 Luật đất đai.

Căn cứ vào các Điều 30, 35, 40, 147, 271, 273, 244 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển VN (BIDV) đối với bị đơn Công ty cổ phần Five9 VN.

1.1. Buộc Công ty cổ phần Five9 VN có trách nhiệm trả nợ Ngân hàng Thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển VN theo hợp đồng tín dụng số 06/2018/8101548/HĐTD ngày 07/12/2018 và văn bản sửa đổi bổ sung ngày 30/12/2019; hợp đồng tín dụng số 01/2020/8101548/HĐTD ngày 07/02/2020 gồm 30 khoản vay tạm tính đến ngày 03/8/2023 như sau:

Khoản vay ngày 10/07/2019, tổng số dư nợ 197,201 USD (Một trăm chín mươi bảy nghìn hai trăm linh một đô la mỹ). Trong đó, nợ gốc: 151,197 USD, lãi trong hạn 1,432 USD, lãi quá hạn 44,572 USD.

Khoản vay ngày 06/08/2019, tổng số dư nợ: 250,206 USD (Hai trăm năm mươi nghìn, hai trăm linh sáu đô la mỹ). Trong đó: Nợ gốc 200,000 USD, lãi trong hạn 962 USD, lãi quá hạn: 49,244 USD.

Khoản vay ngày 08/08/2019, tổng số dư nợ: 425,331 USD (Bốn trăm hai mươi lăm nghìn, ba trăm ba mươi một đô la mỹ). Trong đó: Nợ gốc 350,000 USD, lãi trong hạn 997 USD, lãi quá hạn 74,334 USD.

Khoản vay ngày 05/9/2019, tổng số dư nợ: 7.109.841.613đ (Bảy tỷ một trăm linh chín triệu tám trăm bốn mươi một nghìn sáu trăm mười ba đồng). Trong đó: Nợ gốc là 5.202.566.066đ, lãi trong hạn 37.430.828 đồng, lãi quá hạn 1.869.844.719 đồng.

Khoản vay ngày 06/09/2019, tổng dư nợ: 2.101.897.575đ (Hai tỷ một trăm linh một triệu tám trăm chín mươi bảy nghìn năm trăm bảy mươi lăm đồng). Trong đó: Nợ gốc 1.539.465.466 đồng, lãi trong hạn 10.628.638 đồng, lãi quá hạn 551.803.471 đồng.

Khoản vay ngày 18/09/2019, tổng dư nợ: 12.689.711.944đ (Mười hai tỷ sáu trăm tám mươi chín triệu bảy trăm mười một nghìn chín trăm bốn mươi bốn đồng). Trong đó: Nợ gốc 9.302.000.000 đồng, lãi trong hạn 85.629.369 đồng, lãi quá hạn 3.302.082.575 đồng.

Khoản vay ngày 20/09/2019, tổng dư nợ: 6.975.359.600đ (Sáu tỷ chín trăm bảy mươi lăm triệu ba trăm năm mươi chín nghìn sáu trăm đồng). Trong đó: Nợ gốc 5.113.900.000 đồng, lãi trong hạn 49.037.397 đồng, lãi quá hạn 1.812.422.203 đồng.

Khoản vay ngày 30/09/2019, tổng dư nợ: 5.827.327.814đ (Năm tỷ tám trăm hai mươi bảy triệu ba trăm hai mươi bảy nghìn tám trăm mười bốn đồng). Trong đó: Nợ gốc 4.275.240.000 đồng, lãi trong hạn 49.194.542 đồng, lãi quá hạn 1.502.893.272 đồng.

Khoản vay ngày 03/10/2019, tổng dư nợ: 7.440.416.735đ (Bảy tỷ bốn trăm bốn mươi triệu bốn trăm mười sáu nghìn bảy trăm ba mươi lăm đồng). Trong đó: Nợ gốc 15.460.225.000 đồng, lãi trong hạn 67.018.652 đồng, lãi quá hạn 1.913.173.083 đồng.

Khoản vay ngày 07/10/2019, tổng dư nợ: 2.151.329.371 đồng (Hai tỷ một trăm năm mươi một triệu ba trăm hai mươi chín nghìn ba trăm bảy mươi một đồng). Trong đó: Nợ gốc 1.579.219.316 đồng, lãi trong hạn 20.594.750 đồng, lãi quá hạn 551.515.305 đồng.

Khoản vay ngày 11/10/2019, tổng dư nợ: 8.495.852.713đ (Tám tỷ bốn trăm chín mươi lăm triệu tám trăm năm mươi hai nghìn bảy trăm mười ba đồng). Trong đó: Nợ gốc 6.960.000.000 đồng, lãi trong hạn 84.664.110 đồng, lãi quá hạn 1.451.188.603 đồng.

Khoản vay ngày 16/10/2019, tổng dư nợ: 7.670.470.470 đ (Bảy tỷ sáu trăm bảy mươi triệu bốn trăm bảy mươi nghìn bốn trăm bảy mươi đồng). Trong đó: Nợ gốc 6.265.080.000 đồng, lãi trong hạn 80.622.139 đồng, lãi quá hạn 1.324.768.331 đồng.

Khoản vay ngày 22/10/2019, tổng dư nợ: 11.704.815.054đ (Mười một tỷ bảy trăm linh tư triệu tám trăm mười lăm nghìn không trăm năm mươi tư đồng). Trong đó: Nợ gốc 8.934.310.000 đồng, lãi trong hạn 0 đồng, lãi quá hạn 2.770.505.054 đồng.

Khoản vay ngày 25/10/2019, tổng dư nợ: 11.888.824.109đ (Mười một tỷ tám trăm tám mươi tám triệu tám trăm hai mươi tư nghìn một trăm linh chín đồng). Trong đó: Nợ gốc 9.048.000.000 đồng, lãi trong hạn 38.670.904 đồng, lãi quá hạn 2.802.153.205 đồng.

Khoản vay ngày 29/10/2019, tổng dư nợ: 8.236.857.412đ (Tám tỷ hai trăm ba mươi sáu triệu tám trăm năm mươi bảy nghìn bốn trăm mười hai đồng). Trong đó: Nợ gốc 6.728.290.000 đồng, lãi trong hạn 101.200.854 đồng, lãi quá hạn 1.407.366.558 đồng.

Khoản vay ngày 01/11/2019, tổng dư nợ: 5.040.112.282đ (Năm tỷ không trăm bốn mươi triệu một trăm mười hai nghìn hai trăm tám mươi hai đồng). Trong đó: Nợ gốc 4.129.422.000 đồng, lãi trong hạn 61.092.818 đồng, lãi quá hạn 849.597.464 đồng.

Khoản vay ngày 07/11/2019, tổng dư nợ: 8.494.113.640đ (Tám tỷ bốn trăm chín mươi tư triệu một trăm mười ba nghìn sáu trăm bốn mươi đồng). Trong đó: Nợ gốc 6.959.700.000 đồng, lãi trong hạn 112.117.907 đồng, lãi quá hạn 1.422.295.733 đồng.

Khoản vay ngày 07/11/2019, tổng dư nợ: 2.050.057.628đ (Hai tỷ không trăm năm mươi triệu không trăm năm mươi bảy nghìn sáu trăm hai mươi tám đồng). Trong đó: Nợ gốc 1.637.125.291 đồng, lãi trong hạn 22.605.785 đồng, lãi quá hạn 390.326.552 đồng.

Khoản vay ngày 08/11/2019, tổng dư nợ: 7.361.198.258đ (Bảy tỷ ba trăm sáu mươi một triệu một trăm chín mươi tám nghìn hai trăm năm mươi tám đồng). Trong đó: Nợ gốc 6.031.480.000 đồng, lãi trong hạn 98.156.140 đồng, lãi quá hạn 1.231.562.118 đồng.

Khoản vay ngày 13/11/2019, tổng dư nợ: 6.370.877.005đ (Sáu tỷ ba trăm bảy mươi triệu tám trăm bảy mươi bảy nghìn không trăm lẻ năm đồng). Trong đó: Nợ gốc 5.220.225.000 đồng, lãi trong hạn 89.244.394 đồng, lãi quá hạn 1.061.407.611 đồng.

Khoản vay ngày 15/11/2019, tổng dư nợ: 9.061.852.398đ (Chín tỷ không trăm sáu mươi một triệu tám trăm năm mươi hai nghìn ba trăm chín mươi tám đồng). Trong đó: Nợ gốc 7.425.280.000 đồng, lãi trong hạn 129.382.961 đồng, lãi quá hạn 1.507.189.437 đồng.

Khoản vay ngày 18/11/2019, tổng dư nợ: 10.477.555.139đ (Mười tỷ bốn trăm bảy mươi bảy triệu năm trăm năm mươi lăm nghìn một trăm ba mươi chín đồng).

Trong đó: Nợ gốc 8.585.480.000 đồng, lãi trong hạn 153.832.984 đồng, lãi quá hạn 1.738.242.155 đồng.

Khoản vay ngày 26/11/2019, tổng dư nợ: 7.923.749.803đ (Bảy tỷ chín trăm hai mươi ba triệu bảy trăm bốn mươi chín nghìn tám trăm linh ba đồng). Trong đó: Nợ gốc 6.493.200.000 đồng, lãi trong hạn 124.882.915 đồng, lãi quá hạn 1.305.666.888 đồng.

Khoản vay ngày 28/11/2019, tổng dư nợ: 11.323.883.168đ (Mười một tỷ ba trăm hai mươi ba triệu tám trăm tám mươi ba nghìn một trăm sáu mươi tám đồng). Trong đó: Nợ gốc 9.279.600.000 đồng, lãi trong hạn 181.524.230 đồng, lãi quá hạn 1.862.758.938 đồng.

Khoản vay ngày 02/12/2019, tổng dư nợ: 11.027.564.958đ (Mười một tỷ không trăm hai mươi bảy triệu năm trăm sáu mươi tư nghìn chín trăm năm mươi tám đồng). Trong đó: Nợ gốc là 9.037.080.000 đồng, lãi trong hạn 184.207.878 đồng, lãi quá hạn 1.806.277.080 đồng.

Khoản vay ngày 06/12/2019, tổng dư nợ: 1.960.487.283đ (Một tỷ chín trăm sáu mươi triệu bốn trăm tám mươi bảy nghìn hai trăm tám mươi ba đồng). Trong đó: Nợ gốc 1.565.980.362 đồng, lãi trong hạn 31.233.800 đồng, lãi quá hạn 363.273.121 đồng.

Khoản vay ngày 31/12/2019, tổng dư nợ: 5.331.306.329đ (Năm tỷ ba trăm ba mươi một triệu ba trăm linh sáu nghìn ba trăm hai mươi chín đồng). Trong đó: Nợ gốc 3.995.510.000 đồng, lãi trong hạn 257.324.756 đồng, lãi quá hạn 1.078.471.573 đồng.

Khoản vay ngày 07/02/2020, tổng dư nợ: 1.658.708.543đ (Một tỷ sáu trăm năm mươi tám triệu bảy trăm linh tám nghìn năm trăm bốn mươi ba đồng). Trong đó: Nợ gốc 1.325.537.433 đồng, lãi trong hạn 41.690.876 đồng, lãi quá hạn 291.480.234 đồng.

Khoản vay ngày 12/02/2020, tổng dư nợ: 7.782.420.055 đồng (Bảy tỷ bảy trăm tám mươi hai triệu bốn trăm hai mươi nghìn không trăm năm mươi lăm đồng). Trong đó: Nợ gốc 5.900.000.000 đồng, lãi trong hạn 258.888.767 đồng, lãi quá hạn 1.623.531.288 đồng.

Khoản vay ngày 20/02/2020, tổng dư nợ: 2.436.591.468đ (Hai tỷ bốn trăm ba mươi sáu triệu năm trăm chín mươi một nghìn bốn trăm sáu mươi tám đồng). Trong đó: Nợ gốc 1.926.731.229 đồng, lãi trong hạn 84.816.986 đồng; lãi quá hạn 425.043.253 đồng.

Tổng dư nợ tiền VNĐ: 190.593.182.368đ (Một trăm chín mươi tỷ năm trăm chín mươi ba triệu một trăm tám mươi hai nghìn ba trăm sáu mươi tám đồng). Trong đó: Nợ gốc 149.920.647.163 đồng, lãi trong hạn 2.455.695.381 đồng, lãi quá hạn 38.216.839.824 đồng.

Tổng dư nợ USD: 872,738 USD (Tám trăm bảy mươi hai nghìn bảy trăm ba mươi tám đô la mỹ). Trong đó: Nợ gốc 701,197 USD, lãi trong hạn 3,391 USD, lãi quá hạn 168,150 USD.

1.2. Lãi suất áp dụng: Kể từ ngày 04/8/2023 Công ty cổ phần Five9 VN phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thoả thuận trong hợp đồng hạn mức tín dụng, giấy nhận nợ nêu T2i mục 1.1 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc.

Trường hợp, hợp đồng cho vay hạn mức các bên có thoả thuận về điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của toà án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

1.3. Xử lý tài sản bảo đảm: Trường hợp Công ty cổ phần Five9 VN không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng Thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển VN (BIDV) có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án xử lý tài sản bảo đảm để thu hồi nợ gồm:

Hệ thống điện toán đám mây IBM Bluebox hình thành từ Hợp đồng mua bán thiết bị số SGMN01205 ngày 28/4/2017 giữa Công ty cổ phần Five9 VN và Công ty TNHH một thành viên viễn thông quốc tế FPT. Ngày 14/11/2017, tài sản được đăng ký giao dịch bảo đảm tại Trung T3 đăng ký giao dịch bảo đảm tài sản tại thành phố Hà Nội. Tài sản đảm bảo cho toàn bộ khoản vay của Công ty cổ phần Five9 Việt Nam tại BIDV trong thời gian từ ngày 25/10/2017 đến hết ngày 25/10/2037.

01 máy chủ IBM Integrated Analytics System theo hợp đồng mua bán hàng hóa số 2806/2018 ngày 28/6/2018 giữa Công ty cổ phần Five9 VN và Công ty Cổ phần viễn thông IP. 06 máy tính chủ hiệu Dell R630 theo hợp đồng mua bán thiết bị số SGMN01272 ngày 05/01/2017 giữa Công ty cổ phần Five9 VN và Công ty TNHH một thành viên viễn thông quốc tế FPT. Ngày 29/3/2019, các tài sản được đăng ký giao dịch bảo đảm tại Trung T3 đăng ký giao dịch bảo đảm tài sản tại thành phố Hà Nội. Các tài sản đảm bảo cho toàn bộ khoản vay của Công ty cổ phần Five9 VN tại BIDV.

Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 150, tờ bản đồ số 6 - H- I- 23, diện tích 75,7m²; địa chỉ: Số 10 ngách 15, ngõ Hoàng An A, phường Trung Ph, Đống Đ, thành phố Hà Nội; số giấy BA766505, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận CH00150/2292/2010/QĐ.UBND do Ủy ban nhân dân quận Đống Đa cấp ngày 05/8/2010 cho ông Ngô Xuân T2 và bà Trần Thị T3. Hợp đồng thế chấp tài sản ngày 29/3/2019, công chứng số 640/2019/HĐTC, quyền 1 tại Văn phòng công chứng Bình Minh, thành phố Hà Nội; đăng ký bảo đảm tại Văn phòng đăng ký đất đai Hà Nội, khu vực Ba Đình, Hoàn Kiếm, Đống Đa ngày 02/4/2019. Tài sản đảm bảo cho toàn bộ khoản vay của Công ty cổ phần Five9 VN tại BIDV.

2. Đình chỉ yêu cầu độc lập của ông Ngô Minh Kh về hủy hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 150 nêu trên với lý do thời điểm ông Ngô Xuân T2 ký hợp đồng đã có tiền sử bệnh Alzheimer.

3. Công ty cổ phần Five9 VN phải trả lại Ngân hàng Thương mại cổ phần Đầu

tư và Phát triển VN số tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, thẩm định giá tài sản thế chấp là 14.000.000đ (Mười bốn triệu đồng).

4. Về án phí: Số tiền Công ty cổ phần Five9 VN còn nợ BIDV T2m tính đến ngày 03/8/2023, gồm: Dư nợ VNĐ: 190.593.182.368 đồng; dư nợ USD: 872,738 USD được quy đổi sang VNĐ theo tỷ giá trung tâm của Ngân hàng Nhà nước tại thời điểm ngày 08/08/2023 là: 872,738 USD x 23.815VNĐ/USD = 20.784.255.470 đồng. Như vậy, tổng tiền quy đổi sang VNĐ mà Công ty cổ phần Five9 VN nợ BIDV đến ngày 08/8/2023 là 211.377.437.838đ (Hai trăm mười một tỷ ba trăm bảy mươi bảy triệu bốn trăm ba mươi bảy nghìn tám trăm ba mươi tám đồng) tương ứng với số tiền phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 319.377.400đ (Ba trăm mười chín triệu ba trăm bảy mươi bảy nghìn bốn trăm đồng).

Hoàn trả lại Ngân hàng Thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển VN số tiền tạm ứng án phí kinh doanh thương mại là 147.792.000đ (Một trăm bốn mươi bảy triệu bảy trăm chín mươi hai nghìn đồng) theo biên lai thu số 0002623 ngày 16/11/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đan Phượng.

Hoàn trả lại ông Ngô Minh Kh phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0002957 ngày 03/11/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đan Phượng.

5. Quyền kháng cáo: Án xử công khai đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định T2i Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định T2i Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND thành phố Hà Nội;
- VKSND huyện Đan Phượng;
- CCTHADS huyện Đan Phượng;
- Các đương sự;
- Lưu Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Trần Thị Thu